

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2021
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Tấn Phát**.

2/ Ông **Trần Hoài Duy**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Nhiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số: 508/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số: 562/TB-TA ngày 05 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa số: 680/TB-TA ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **NGUYỄN THỊ NGỌC N**, sinh năm 1984 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Giồng Cà, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

* **Người đại diện hợp pháp của chị Nghiêm (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2020):**

Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1985 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 89, đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đông bị đơn:*

+ Chị **MAI THỦY T**, sinh năm 1981 - (vắng mặt)

+ Anh **LÊ VĂN L**, sinh năm 1980 - (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp G, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020 và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc N trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Vợ chồng chị Mai Thủy T, anh Lê Văn L có tham gia 07 dây hụi do chị Nguyễn Thị Ngọc N làm chủ cụ thể như sau:

1/ Dây hụi thứ nhất mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 19 âm lịch, gồm 21 phần, bắt đầu khui ngày 19/4/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 29/11/2020 âm lịch (năm 2020 có nhuận 02 tháng Tư âm lịch), chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 9, chị T hót kỳ thứ 9, kê 270.000 đồng, hót được số tiền 16.360.000 đồng (đã trừ tiền cò 400.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hót hụi sau 10 ngày kể từ ngày hót, chị T có ký tên nhận tiền hót hụi vào ngày 29/12/2019 âm lịch, sau khi hót hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 12 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 06 kỳ, còn nợ 06 kỳ x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

2/ Dây hụi thứ hai mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 05 âm lịch, gồm 24 phần, bắt đầu khui ngày 05/01/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 15/12/2020 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 12, chị T hót kỳ thứ 2, kê 600.000 đồng, hót được số tiền 32.000.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hót hụi sau 10 ngày kể từ ngày hót, chị T có ký tên nhận tiền hót hụi vào ngày 15/02/2019 âm lịch, sau khi hót hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 22 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 17 kỳ, còn nợ 05 kỳ x 2.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

3/ Dây hụi thứ ba mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 20 âm lịch, gồm 27 phần, bắt đầu khui ngày 20/6/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 30/8/2020 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 11, chị T hót kỳ thứ 11, kê 600.000 đồng, hót được số tiền 41.600.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hót hụi sau 10 ngày kể từ ngày hót, chị T có ký tên nhận tiền hót hụi vào ngày 30/4/2019 âm lịch, sau khi hót hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 16 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 14 kỳ, còn nợ 02 kỳ x 2.000.000 đồng = 4.000.000 đồng.

4/ Dây hụi thứ tư mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 07 âm lịch, gồm 28 phần, bắt đầu khui ngày 07/10/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 17/01/2021 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 15, chị T hót kỳ đầu tiên, kê 650.000 đồng, hót được số tiền 35.650.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa

thuận đăng tiền hốt hụi sau 10 ngày kể từ ngày hốt, chị T có ký tên nhận tiền hốt hụi vào ngày 17/10/2018 âm lịch, sau khi hốt hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 27 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 20 kỳ (góp đến hết tháng 5/2020 âm lịch thì ngưng), còn nợ 7 kỳ x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

5/ Dây hụi thứ năm mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 25 âm lịch, gồm 25 phần, bắt đầu khui ngày 25/5/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 05/6/2021 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 2, chị Tiên hốt kỳ thứ 3, kêu 570.000 đồng, hốt được số tiền 34.660.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hốt hụi sau 10 ngày kể từ ngày hốt, chị T có ký tên nhận tiền hốt hụi vào ngày 05/8/2019 âm lịch, sau khi hốt hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 22 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 11 kỳ, còn nợ 11 kỳ x 2.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

6/ Dây hụi thứ sáu mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 10 âm lịch, gồm 26 phần, bắt đầu khui ngày 10/10/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 20/10/2021 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 18, chị T hốt kỳ thứ 1, kêu 600.000 đồng, hốt được số tiền 34.200.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hốt hụi sau 10 ngày kể từ ngày hốt, chị T có ký tên nhận tiền hốt hụi vào ngày 20/10/2019 âm lịch, sau khi hốt hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 25 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 08 kỳ, còn nợ 17 kỳ x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng.

7/ Dây hụi thứ bảy mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 âm lịch, gồm 26 phần, bắt đầu khui ngày 15/12/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 25/12/2021 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên chị T là “Út Đẹt” (là tên thường gọi của chị T) ở số thứ tự 8, chị T hốt kỳ thứ 2, kêu 560.000 đồng, hốt được số tiền 35.760.000 đồng (đã trừ tiền cò 800.000 đồng), thỏa thuận đăng tiền hốt hụi sau 10 ngày kể từ ngày hốt, chị T có ký tên nhận tiền hốt hụi vào ngày 25/01/2020 âm lịch, sau khi hốt hụi thì chị T phải góp lại tính đến ngày mãn hụi là 24 kỳ, nhưng chỉ góp lại được 05 kỳ, còn nợ 19 kỳ x 2.000.000 đồng = 38.000.000 đồng.

Tổng cộng 07 dây hụi chị T, anh L còn nợ số tiền **128.000.000** đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, trong các lần góp tiền hụi kỳ trước, chị T còn nợ tiền hụi là 4.000.000 đồng, do tin tưởng nên không làm giấy tờ gì.

Khi tham gia chơi hụi, chị N có giao “Giấy hụi” cho các hụi viên, khi hốt hụi chị T có ký tên vào “Sổ ký nhận tiền hụi” giao chị N giữ, anh L không có ký tên nhận tiền, nhưng việc chị T tham gia chơi hụi của chị anh L cũng biết, anh L, chị N vẫn sống chung nhà, mỗi lần chị N đến nhà gom tiền hụi thì có mặt anh L, khi giao tiền hốt hụi thì anh L kêu chị đưa tiền cho chị T ký nhận, anh L không ký tên, chị T, anh L sử dụng tiền hốt hụi của chị để chị T bán quần áo may sẵn tại cửa hàng ở chợ Bình Minh, còn anh L mua bán mỳ, cây cao su.

Do bị vỡ nợ tiền vay, tiền hụi nên chị T, anh L đã bỏ nhà đi và ngưng đóng hụi cho chị N từ ngày 09/6/2020 âm lịch đến nay, không biết tin tức và cũng không liên lạc qua điện thoại được. Hụi do chị N làm chủ hiện nay vẫn hoạt động bình thường, hụi chị T, anh L tham gia hiện đã mãn 05 phần, còn 02 phần hụi mệnh giá 2.000.000 đồng mãn vào ngày 20/10/2021 âm lịch và ngày 25/12/2021 âm lịch, hàng tháng chị N phải bỏ tiền ra góp thay cho chị T, anh L.

Nay chị N yêu cầu vợ chồng chị T, anh L cùng có nghĩa vụ trả số nợ tiền hụi của 07 phần hụi đã hốt là 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi. Riêng số tiền hụi chị T nợ kỳ trước 4.000.000 đồng do không có chứng cứ, nên chị N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết chung trong vụ kiện này.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án nhiều lần triệu tập chị T, anh L để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng không lần nào chị T, anh L đến nên không lấy được lời khai của chị T, anh L. Tại biên bản xác minh ông Trần Minh Tạo - Công an ấp G, xã BM ngày 15/4/2021 thể hiện: Chị Mai Thủy T và anh Lê Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, ấp G, xã BM, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, nhưng chị T, anh L không còn sinh sống tại địa chỉ trên, đã bỏ địa phương đi khoảng 01 năm nay, đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Do chị T, anh L không có mặt ở địa phương nên Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, văn bản cho chị T, anh L bằng thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức C là đại diện hợp pháp của chị N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T, anh L vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền nợ hụi 128.000.000 đồng, ghi nhận chị N không yêu cầu tính tiền lãi, đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N, anh Nguyễn Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T, anh L là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt chị N, anh C, chị T, anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào các danh sách hội viên và các giấy nhận tiền hốt hội có chữ ký và ghi họ tên của người nhận là Mai Thủy T do chị N cung cấp thể hiện chị T có tham gia chơi hội do chị N làm chủ. Sau khi hốt hội chị T, anh L không góp lại tiền hội cho chị N là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, nên chị N khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng góp hội được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các “Giấy hội” và “Sổ ký nhận tiền hội” thể hiện chị T có tham gia chơi hội do chị N làm chủ là có thật. Đối chiếu từng dây hội về thời gian bắt đầu mở hội, mãn hội, ngày chị T hốt hội, ngày chị T, anh L bỏ địa phương đi 09/6/2020 âm lịch, thấy rằng lời trình bày của chị N về việc chị T còn nợ tiền góp lại hội đã hốt cho chị N tính từ ngày 09/6/2020 âm lịch cho đến khi mãn hết 07 dây hội tổng cộng là 128.000.000 đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị N buộc chị T, anh L có nghĩa vụ liên đới trả nợ thấy rằng: Chị T tham gia chơi hội do chị N làm chủ trong thời gian chị T, anh L đang chung sống vợ chồng, chị T sử dụng tiền hốt hội vào mục đích để chị T kinh doanh cửa hàng mua bán quần áo may sẵn tại chợ Bình Minh, anh L mua bán cây mỳ, cây cao su, kiếm lợi nhuận phục vụ chung cho cuộc sống của gia đình, mặc dù chỉ có chị T đứng tên trong danh sách hội viên và ký tên nhận tiền hốt hội của chị N nhưng qua xác minh ở địa phương thể hiện vợ chồng chị T, anh L bị vỡ nợ nên đã cùng nhau bỏ nhà đi từ ngày 09/6/2020 âm lịch cho đến nay, do đó có cơ sở xác định anh L cũng biết việc này nên mới cùng chị T bỏ trốn, chị N không đề nghị xem xét dấu hiệu hình sự, chỉ yêu cầu giải quyết dân sự, nên cần buộc anh L cùng có nghĩa vụ liên đới với chị T trả nợ tiền hội cho chị N 128.000.000 đồng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu chị T, anh L trả tiền lãi.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh có cơ sở chấp nhận một phần.

Chị T và anh L phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với chị Mai Thủy T và anh Lê Văn L.

Buộc chị Mai Thủy T và anh Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền hụi còn nợ gốc 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng). Ghi nhận chị N không yêu cầu chị T, anh L trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T, anh L không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị T, anh L còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Mai Thủy T và anh Lê Văn L phải chịu 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 đồng theo biên lai thu số 0000688 ngày 19 tháng 10 năm 2020 và 3.150.000 đồng theo biên lai thu số 0001523 ngày 07 tháng 6 năm 2021, tổng cộng: 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THA DS TP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

(Đã ký)

Lê Thị Duyên